

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hươn

2. Ông Nguyễn Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 69/4, đường 11, khu phố 4, phường L, quận T, thành phố H.

- Bị đơn: Anh **Hứa Thái L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 378, tổ 8, ấp 2, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2018 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hứa Thái L chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T1, huyện N, tỉnh N1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyển số 01/2007 ngày 26/6/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh cãi do vấn đề kinh tế, anh L không có trách nhiệm, đi làm không đưa cho chị chăm lo cho gia đình, có quan hệ tình cảm với người khác.

Ngày 15/8/2017 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh L do vợ chồng đã hết tình cảm, cuộc sống chung không thể tiếp tục.

Anh L cho rằng chị có quan hệ tình cảm với người khác là không có, công việc ai cũng có mối quan hệ với bạn khác giới nhưng chỉ là trong công việc với nhau, anh L cũng không thể cung cấp được bằng chứng gì thể hiện việc chị có quan hệ tình cảm với người khác.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hứa Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2008 và Hứa Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/01/2013. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nhưng thời gian qua các con vẫn ở với anh L nên chị đồng ý giao hai con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Tại các bản tự khai ngày 09/8/2018, ngày 31/8/2018 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Hứa Thái L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện hoàn cảnh xây dựng gia đình như chị T trình bày là đúng. Anh và chị T chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng khoảng tháng 6/2017 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vấn đề kinh tế, anh đi làm về không có tiền đưa cho vợ chăm lo gia đình, đến tháng 8/2017 chị T dọn đi nơi khác sinh sống cho đến nay. Anh rất muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng không thể vì chị T không gặp anh, cũng không liên lạc bằng điện thoại được. Nay chị T yêu cầu giải quyết ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để nuôi con. Chị T muốn ly hôn đợi cháu H được 18 tuổi anh sẽ thuận tình ly hôn.

Anh L có nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác, Tòa án có thông báo yêu cầu anh cung cấp chứng cứ nhưng anh chưa cung cấp được.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hứa Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2008 và Hứa Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/01/2013. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai con chung, trước anh có yêu cầu chị T cấp dưỡng nhưng nay anh không yêu cầu vì thời gian qua anh vẫn nuôi hai cháu được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn của chị T, anh L; Giấy khai sinh của cháu Hứa Nguyễn Minh H, Hứa Nguyễn Minh T; Bản tự khai của các đương sự; biên bản lấy lời khai anh L; thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản xác minh tại địa phương.

Các tình tiết các bên thống nhất: Trường hợp ly hôn, chị T giao 02 con chung Hứa Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2008 và Hứa Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/01/2013 cho anh L nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật. Có 02 con chung tên Hứa Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2008 và Hứa Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/01/2013.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T ly hôn anh L. Về con chung: chấp nhận yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của chị T. Giao 02 con chung Hứa Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2008 và Hứa Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/01/2013 cho anh L nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn anh Hứa Thái L nhưng anh L vắng mặt không có lý do, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Hứa Thái L tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện N, tỉnh N1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyền số 01/2007 ngày 26/6/2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Các đương sự thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, anh L đi làm về không có tiền đưa cho vợ chăm lo gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Vào tháng 12/2015 chị T có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L, sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L không có sự thay đổi nên sau đó anh chị sống ly thân và chị T lại nộp đơn ly hôn. Chị T xin ly hôn, anh L không đồng ý, Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng đến nay anh L không có biện pháp để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh L cho

rằng nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác, chị T không thừa nhận, Tòa án có thông báo yêu cầu anh cung cấp chứng cứ nhưng anh cũng không cung cấp được. Anh đề nghị đến khi cháu Hứa Nguyễn Minh H được 18 tuổi thì anh sẽ đồng ý thuận tình ly hôn, đối với ý kiến của anh L Hội đồng xét xử xét thấy không phù hợp với quy định của pháp luật. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Tòa chị T xác định tình cảm không còn và vẫn kiên quyết ly hôn để ổn định cuộc sống riêng; Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hứa Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2008 và Hứa Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/01/2013. Hiện nay, cháu các cháu đang ở với anh L, ly hôn chị T giao con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con, anh L đồng ý. Hội đồng xét xử giao các cháu Hứa Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2008 và Hứa Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/01/2013 cho anh L nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[2] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm..

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Hứa Thái L, xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Hứa Thái L.

- Về con chung: Xử giao cháu Hứa Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2008 và Hứa Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/01/2013 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002322 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp xong án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
 - VKSND h. Long Thành (1);
 - Chi cục THADS h. Long Thành (1);
 - UBND xã T1 (1)
- GCNKH số 34 ngày 26/6/2007;
- Đương sự (2);
 - Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An